

## TOÀ ÁN ĐỘC LẬP XÉT XỬ VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT

PGS. TS. Phạm Văn Lợi

Trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Đại Nam

Ngày nhận bài: 21/3/2022, ngày gửi phản biện: 30/3/2022, ngày duyệt đăng: 15/4/2022.

**Tóm tắt:** Lịch sử tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cho thấy phạm vi thực hiện quyền lực nhà nước được thể hiện ở ba loại quyền: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Nội dung cơ bản của quyền tư pháp là hoạt động xét xử do Tòa án thực hiện.

Tính tất yếu của việc thực hiện chức năng xét xử của Tòa án đã được thể hiện ngay từ thời kỳ cổ Hy Lạp, La Mã với quan niệm rằng: ở đâu có pháp luật, thì ở đó phải có một hệ thống bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm chỉnh. Sự bảo đảm đó chính là cơ quan trong bộ máy nhà nước có chức năng xét xử - Tòa án. Tuy nhiên, ở mỗi kiểu Nhà nước với chế độ chính trị khác nhau, bộ máy Nhà nước được tổ chức khác nhau thì vị trí, vai trò của Tòa án cũng có khác nhau. Trên cơ sở phân tích vị trí, vai trò của Tòa án, bài viết nêu rõ ý nghĩa và nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án.

**Từ khóa:** Tòa án, pháp luật, độc lập xét xử, vai trò, nguyên tắc

### 1. Vị trí, vai trò của Tòa án

Ở chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến, hình thức Nhà nước chủ yếu là quân chủ, hoạt động xét xử cũng như các hoạt động lập pháp và hành pháp đều tập trung vào giai cấp chủ nô và phong kiến mà đại diện là nhà Vua. Chính vì vậy, nhà Vua là người có quyền lực cao nhất trong việc trị vì đất nước, nhà Vua là người đưa ra các đạo luật và cũng là người có quyền xét xử cao nhất. Chính vì sự tập trung quyền lực vào nhà Vua như vậy nên có thể nói hoạt động xét xử và thiết chế Tòa án ở giai đoạn này chưa được thể hiện rõ nét vị trí, vai trò độc lập của mình trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Vào thế kỷ 17 và 18, sự phát triển mạnh mẽ của giai cấp tư sản, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến của thời đại và xu hướng chính trị tiến bộ đã dẫn đến những quan điểm phải có cơ chế để hạn chế quyền lực vô hạn của nhà Vua và tiến đến xóa bỏ Nhà nước phong kiến đã lỗi thời. Các học giả tư sản đưa ra quan điểm về sự phân định các

hoạt động ban hành pháp luật, hoạt động thực hiện các văn bản pháp luật và hoạt động xét xử các hành vi vi phạm pháp luật và trên cơ sở đó chia quyền lực Nhà nước ra thành các loại quyền khác nhau. Tiêu biểu cho các học giả tư sản thời kỳ này là Montesquieu với tư tưởng phân chia quyền lực nhà nước thành quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp và những quyền này có sự độc lập và chế ước lẫn nhau. Tư tưởng phân chia quyền lực của Montesquieu sau này đã được phát triển thành thuyết "Tam quyền phân lập" và áp dụng nhiều trong tổ chức quyền lực nhà nước ở các nhà nước tư sản.

Theo quan điểm của Montesquieu thì: Khi quyền lập pháp được sát nhập với quyền hành pháp và tập trung trong tay một người hay một tập đoàn, thì sẽ không có tự do được, bởi vì người ta có thể sợ rằng chính nhà vua hay nghị viện ấy sẽ làm những đạo luật độc đoán để thi hành một cách độc đoán; nếu quyền xét xử được nhập vào quyền hành pháp thì Thẩm phán sẽ trở thành những kẻ áp bức<sup>1</sup>.

Montesquieu cũng nhấn mạnh rằng: "Mọi thứ sẽ bị biến mất cả nếu chính một người, hay chính một tập đoàn các thân hào hay các quý tộc hay bình dân hành sự cả ba quyền: quyền làm luật, quyền thi hành các quyết nghị chung và quyền xét xử các tội phạm hay các vụ tranh chấp giữa các tư nhân" <sup>2</sup>.

Theo quan điểm của Montesquieu thì để đảm bảo tính pháp quyền trong hoạt động của bộ máy nhà nước, Toà án phải được tổ chức độc lập, tham gia vào cơ chế đối trọng và chế ước, kiểm soát lẫn nhau trong mối quan hệ với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp và hành pháp. Nếu Toà án không được tổ chức độc lập thì sẽ trở thành nguy cơ cho quốc gia và quyền tự do của công dân. Một bộ máy Nhà nước, một cơ quan cầm quyền, vừa là kẻ thi hành luật, vừa cho mình là kẻ lập pháp. Họ có thể tàn phá quốc gia bằng những ý chí chung sai lầm của họ; họ còn nắm cả quyền xét xử nữa thì họ có thể đè nát mỗi công dân theo ý muốn của họ <sup>3</sup>.

Như vậy, theo quan điểm của giai cấp tư sản và thực tế tổ chức thực hiện quyền lực trong các nhà nước tư sản thì Toà án là cơ quan bảo vệ pháp luật quan trọng nhất, đảm bảo công lý và khách quan trong việc giải quyết các tranh chấp trong đời sống xã hội. Đối tượng xét xử của Toà án không chỉ là hành vi của con người, của công dân mà còn cả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy tính độc lập của Toà án trong Nhà nước tư sản còn phụ thuộc rất nhiều vào chính thể (Ví dụ: ở chính thể Cộng hòa đại nghị thì quyền lực tư pháp có vị thế yếu hơn. Bởi vì, ở chính thể cộng hòa đại nghị, nghị viện do cử tri bầu ra và đảng nào chiếm đa số ghế sẽ cử đại diện giữ chức Thủ tướng và thành lập chính phủ và vì vậy cơ quan hành pháp là cơ quan thực quyền hơn). Ngoài ra, khi so sánh bản chất giữa ba nhánh quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp)

trong bộ máy Nhà nước tư sản chúng ta có thể thấy rằng: nhánh quyền lập pháp không những có quyền quy định cho mình khả năng kiểm soát tài chính, mà còn có quyền quy định ra các luật lệ chi phối sinh hoạt của công dân. Quyền hành pháp không chỉ có quyền ra các mệnh lệnh hành chính trực tiếp điều hành các quan hệ xã hội, mà còn được quyền chi phối tài sản lẫn sức mạnh của xã hội, quyền được sử dụng vũ lực để bảo đảm quyền lực Nhà nước. Ngược lại, quyền tư pháp không có quyền nắm giữ và sử dụng các cơ quan cưỡng chế, không nắm và kiểm soát tài chính, cũng không có quyền chi phối tài sản lẫn sức mạnh xã hội. Khi nghiên cứu về bản chất của quyền tư pháp, một học giả tư sản là A.Hamilton đã viết: "Có thể nói rằng ngành tư pháp vừa không có lực lượng, lại vừa không có ý chí mà chỉ có trí phán đoán mà thôi, và cần dựa vào trợ tá của ngành hành pháp mới có thể thi hành quyết định trí phán đoán của mình" <sup>4</sup>. Nhưng ở chính thể Cộng hòa tổng thống thì quyền tư pháp có khả năng bền vững hơn, vì ở chính thể này sự phân định giữa quyền lập pháp và hành pháp rõ ràng hơn; trong đó Nghị viện và Tổng thống (thể hiện sự độc lập của mình thông qua việc bầu cử trực tiếp của cử tri và đại cử tri đối với hai cơ quan này), đồng thời hai cơ quan này cũng có sự chi phối nhánh quyền lực thứ ba đó là quyền tư pháp, chính sự cùng chi phối của hai cơ quan tương đối độc lập, khiến cho quyền lực tư pháp không lệ thuộc vào cơ quan duy nhất nào, đảm bảo cho cơ quan tư pháp độc lập. Bên cạnh đó, đối tượng và phạm vi hoạt động của quyền tư pháp cũng có sự thay đổi theo thời gian và sự phát triển của nền dân chủ tư sản. Lúc đầu đối tượng xét xử của Toà án chỉ là "dân đen" vì theo họ chỉ có thân dân mới vi phạm pháp luật của giai cấp tư sản, còn pháp luật là lợi ích là ý chí của công cụ của giai cấp tư sản. Ngược lại, những kẻ "áo dài, mũ cao" thì hoạt động của họ là những hoạt động mẫu mực không bao giờ có vi phạm pháp luật (đây là những lý do giải thích những

quyền miễn trừ tư pháp của các quan lại cao cấp). Nhưng cùng với sự phát triển của nền dân chủ tư sản thì các quan chức cũng phải chịu trách nhiệm về những hoạt động vi phạm pháp luật của mình và cũng là đối tượng xét xử của Toà án. Tương tự như vậy, trong nhà nước tư sản, ban đầu phạm vi xét xử của Toà án là các vi phạm pháp luật chiều theo các đạo luật, nhưng thường về sau thì phạm vi xét xử của Toà án được mở rộng cả đối với các vi phạm Hiến pháp. Về vấn đề này, ở Mỹ, David Cusman Coyle cho rằng trong buổi ban đầu của nền cộng hòa, Toà án không phải trực tiếp đương đầu với vấn đề phải làm gì khi chính quyền vi phạm Hiến pháp, Hiến pháp đã được chấp thuận như "luật pháp tối thượng của đất nước". Tuy nhiên, vì những lợi ích của các tập đoàn và các động cơ khác nhau nên ngày càng có nhiều hoạt động vi phạm Hiến pháp và cần có nhu cầu phán quyết của Toà án, vì vậy Toà án Hiến pháp ra đời bên cạnh các Toà án thường. Đồng thời, cùng với sự phát triển của xã hội ngày càng xuất hiện nhiều quan hệ kinh tế, thương mại, điền địa và những quan hệ xã hội khác mà Nhà nước cần can thiệp, do đó ngoài Toà án về tư pháp hình sự thì các Toà án với chức năng xét xử các tranh chấp dân sự, kinh tế, thương mại, hành chính đã ra đời. Chính vì vậy, có thể nói, trong nhà nước tư sản, Toà án không chỉ là một bộ phận của bộ máy Nhà nước để xét xử các hành vi là tội phạm, bảo vệ giai cấp thống trị mà nó còn là sự nổi dài cánh tay Nhà nước để can thiệp vào các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại, hành chính...

Như vậy, lịch sử phát triển về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cho thấy rằng xét xử là một trong những phương thức thực hiện quyền lực nhà nước và Toà án chính là cơ quan thực hiện chức năng xét xử, một thiết chế đảm bảo công lý, sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể trong đời sống xã hội.

Ở nước ta, Toà án luôn giữ vai trò trung

tâm trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Điều này thể hiện cả trong các nghị quyết của Đảng, lịch sử phát triển của pháp luật nước ta và trong thực tiễn hoạt động tư pháp.

Ngay sau khi giành được chính quyền, Nhà nước dân chủ nhân dân đã bắt tay vào việc kiện toàn bộ máy nhà nước và ban hành pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ của cách mạng, trong đó Toà án là một trong những cơ quan nhà nước được hình thành sớm nhất. Trước khi Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên ngày 09/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh như Sắc lệnh số 33c ngày 13/9/1945, Sắc lệnh số 13 ngày 21/1/1946, Sắc lệnh số 21 ngày 24/1/1946... thành lập hệ thống tổ chức Toà án ở nước ta. Trong giai đoạn đầu tiên này, cơ quan Toà án được đánh đồng với cơ quan tư pháp, cụ thể là tại Điều 63 Hiến pháp 1946 quy định: "Các cơ quan tư pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm có: a) Toà án nhân dân tối cao; b) Các Toà phúc thẩm; c) Các Toà án đệ nhị cấp và sơ cấp". Trong quá trình củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước ta sau đó, mặc dù có rất nhiều cơ quan được bổ sung vào hệ thống cơ quan tư pháp nhưng Toà án vẫn là cơ quan chiếm vai trò trọng tâm, luôn được khẳng định là cơ quan xét xử của Nhà nước ta. Tiếp đó, Hiến pháp 1992 vẫn tiếp tục khẳng định: "Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"<sup>5</sup> Hiến pháp năm 2013 tiếp tục quy định: "1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. 2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do Luật định".

Nhìn lại thực tiễn hoạt động tư pháp, chúng ta thấy rằng, xét xử luôn được coi là khâu trung tâm, là nơi biểu hiện tập trung nhất quyền tư pháp, thể hiện đầy đủ nhất bản chất của hoạt động tư pháp. Bằng các thủ tục tố tụng dân chủ, chặt chẽ do pháp luật quy định,

thông qua xét xử, các Toà án xem xét, đánh giá công khai các tình tiết vụ án trên cơ sở kết quả điều tra ở các giai đoạn tố tụng trước đó để ra phán quyết mang tính quyền lực nhà nước. Mặc dù để có được phán quyết cuối cùng bằng bản án hay quyết định thì bao giờ Toà án cũng cần có sự phối hợp, trợ giúp của các cơ quan khác như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Giám định tư pháp, Công chứng... Tuy nhiên, với tư cách là cơ quan có quyền phán quyết cuối cùng, tất cả các kết quả của các cơ quan nói trên không phải là căn cứ bắt buộc Toà án phải tuân theo khi xét xử, Toà án có thể trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, yêu cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung... Ngay trong lĩnh vực pháp luật tố tụng hình sự, xuất phát từ nguyên tắc suy đoán vô tội, chỉ Toà án mới có quyền phán quyết một người là có tội và cũng chỉ có Toà án mới có quyền quyết định áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.

Như vậy, Toà án là cơ quan thay mặt Nhà nước xử lý các vi phạm pháp luật nhằm duy trì nền công lý, bảo đảm cho pháp luật đã ban hành được thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Toà án cũng là phương tiện hữu hiệu để tổ chức, công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hơn ở đâu hết, hoạt động của Toà án liên quan trực tiếp đến các quyền tự do, dân chủ của công dân, Toà án là biểu tượng của công lý, của việc tuân thủ pháp luật, của tính dân chủ trong Nhà nước pháp quyền.

## 2. Khái niệm, ý nghĩa và các bảo đảm thực hiện nguyên tắc độc lập xét xử của Toà án

Theo Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản khoa học xã hội năm 1994 thì độc lập là “tự mình tồn tại hoạt động, không nương tựa hoặc phụ thuộc vào ai và cái gì khác”, còn xét xử là “xem xét và xử các vụ án”. Như vậy, độc lập xét xử có nghĩa là khi xét xử các

vụ án, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải tự mình quyết định các vấn đề, kể cả ra bản án một cách độc lập dựa trên những chứng cứ khách quan, ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm của chính mình mà không bị sự chi phối, tác động, sức ép của bất cứ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào khác.

Nghiên cứu về vị trí, vai trò của Toà án cho thấy rằng sự độc lập trong hoạt động xét xử là điều kiện không thể thiếu để đảm bảo tốt nhất các quyền cơ bản của con người trong xã hội dân chủ. Sự độc lập trong hoạt động xét xử của Toà án được thể hiện ở việc đề cao vai trò độc lập của Thẩm phán, là điều kiện đảm bảo tính khách quan và công bằng của những phán quyết, tránh cho Thẩm phán bị ảnh hưởng, chi phối bởi những sức ép, áp lực từ các quan chức nhà nước, các Thẩm phán cấp trên; đồng thời sự độc lập này cũng đòi hỏi sự nỗ lực và ý thức trách nhiệm của Thẩm phán trước xã hội với tư cách là vai trò là những người đại diện cho công lý.

Kế thừa những giá trị tiến bộ của các học thuyết, tư tưởng về sự độc lập xét xử của Toà án trong lịch sử, Hiến pháp nước ta năm 2013 quy định “Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” là một nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Toà án.

Theo nội dung nguyên tắc này, khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm phải dựa trên cơ sở pháp luật, căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ án; mọi cơ quan nhà nước hay tổ chức, cá nhân đều nghiêm cấm can thiệp vào việc xét xử của Toà án. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm thể hiện sự thống nhất biện chứng trong hoạt động xét xử.

Thứ nhất, nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật thể hiện độc lập với các yếu tố bên ngoài và yếu tố bên trong.

Độc lập với yếu tố bên ngoài đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với những cơ

quan, người tiến hành tố tụng (kiểm sát viên, điều tra viên, người bào chữa và các cơ quan, tổ chức khác); độc lập và không lệ thuộc vào ý kiến tác động của những người có chức vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước khác, của các phương tiện thông tin đại chúng hoặc những người thân thích tuy không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà họ quan tâm đến việc xét xử vụ án. Ở góc độ này, hoạt động xét xử đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm phải tự mình xem xét đánh giá các tình tiết của vụ án, các chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa để đưa ra các phán quyết đúng pháp luật. Nếu xem xét nguyên tắc, Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật ở phương diện thực hiện chức năng xét xử của Tòa án với ý nghĩa là giai đoạn trung tâm của quá trình tố tụng thì toàn bộ các hoạt động trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố đối với các vụ án hình sự; thụ lý, lập hồ sơ đối với các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; hành chính, kinh tế; lao động chỉ là cơ sở để Tòa án quyết định có đưa vụ án ra xét xử hay không và khi xét xử thì các tài liệu, chứng cứ đó là cơ sở để Hội đồng xét xử tiến hành thẩm tra công khai trước phiên tòa và ra phán quyết cuối cùng. Vì vậy, sự độc lập của hội đồng xét xử (sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm) là điều kiện đảm bảo tính khách quan, công bằng của các bản án, quyết định liên quan trực tiếp đến tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và các quyền, nghĩa vụ khác của công dân. Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm trước hết phải độc lập với ý kiến, quan điểm của cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ và bản kết luận điều tra; độc lập với quan điểm và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thể hiện trong bản cáo trạng, trong luận tội và việc buộc tội hoặc bản kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội thẩm cũng không bị ràng buộc bởi các ý kiến của những người tham gia tố tụng khác như bị cáo, bị hại, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, người phiên dịch, giám định viên, người bào chữa,

mặc dù là pháp luật quy định cho họ có những quyền và nghĩa vụ nhất định trong việc làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án. Thẩm phán và Hội thẩm phải căn cứ vào kết quả tranh tụng và những chứng cứ tại phiên tòa và đối chiếu với các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Ngoài ra, trong hệ thống Tòa án nhân dân, mối quan hệ cơ bản nhất giữa Tòa án nhân dân các cấp là quan hệ tố tụng. Do đó, để đảm bảo sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm thì cho dù Tòa án cấp trên hướng dẫn Tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật, đường lối xét xử nhưng không được quyết định trước về chủ trương xét xử trong một vụ án cụ thể, buộc Tòa án cấp dưới phải tuân theo. Khi xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, nếu Tòa án cấp trên ra quyết định huỷ bản án hoặc quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để điều tra xét xử lại với thành phần hội đồng xét xử mới thì hội đồng xét xử mới đó vẫn có quyền xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Ngược lại, khi Tòa án cấp trên thực hiện việc xét xử theo những trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm hay tái thẩm đối với các bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới thì chính Tòa án cấp trên, hội đồng xét xử của Tòa án cấp trên cũng không được lệ thuộc vào những kết luận, quyết định của Tòa án cấp dưới mà phải tự mình đánh giá chứng cứ, xác định và áp dụng các quy phạm pháp luật phù hợp có những bản án, quyết định đúng pháp luật.

Độc lập với những yếu tố bên trong đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với nhau trong suy nghĩ, trong việc xem xét, kiểm tra và đánh giá chứng cứ của vụ án và phán quyết trên cơ sở pháp luật. Các thành viên trong Hội đồng xét xử độc lập với nhau trong việc đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, loại và mức hình phạt cụ thể cần áp dụng trong các vụ án hình sự; độc lập trong việc quyết định tính đúng đắn và hợp pháp về quyền và nghĩa vụ của các bên trong các vụ án về dân sự, hôn nhân và gia đình; hành chính; kinh tế; lao động... Thẩm phán chủ tọa

phiên toà không được dùng quyền lực và chức danh pháp lý của mình để đề nghị Hội thẩm tuân theo ý kiến của mình khi quyết định các vấn đề cụ thể trong quá trình xét xử; ý kiến của Thẩm phán và Hội thẩm có giá trị ngang nhau và một Hội thẩm hay Thẩm phán đều có quyền bảo lưu ý kiến của mình đối với từng vụ việc cụ thể. Như vậy, xét về mặt chủ quan để có thể độc lập trong xét xử, người Thẩm phán phải có một trình độ pháp lý vững vàng, một bản lĩnh dám đấu tranh vì công bằng, lẽ phải, một năng lực vận dụng pháp luật và niềm tin vào chính mình, đồng thời phải thực sự chí công vô tư, thanh liêm và đạo đức trong sáng, biết vượt lên cái riêng.

Tất cả những yêu cầu nêu trên đối với người Thẩm phán là những bảo đảm quan trọng để Thẩm phán được xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Thứ hai, sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải trên cơ sở pháp luật. Nguyên tắc này đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng và áp dụng đúng đắn các quy định pháp luật để đảm bảo sự công bằng, quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể được pháp luật bảo vệ. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải thực sự đánh giá khách quan các chứng cứ theo quy định của pháp luật, độc lập trong việc lựa chọn các quy phạm pháp luật cần áp dụng để đưa ra các quyết định đúng đắn phù hợp sự thật khách quan của vụ việc.

Độc lập của Thẩm phán không có nghĩa là xét xử tùy tiện mà độc lập trong khuôn khổ của pháp luật. Nguyên tắc này đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân không một bước xa rời pháp luật, không có bất kỳ một sự lẩn tránh nào đối với pháp luật, không tha thứ cho bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào. Về vấn đề này Xixêron - một Luật sư và là nhà hùng biện nổi tiếng của La Mã cổ đại đã từng nói: “Quan tòa - đó là một đạo luật biết nói, còn đạo luật là một vị quan tòa câm”. A.F

Konhi (luật gia Liên Xô trước đây) cũng đã từng nói: “Đối với hoạt động tư pháp sẽ là một điều bất hạnh, khi trong bản án và quyết định phụ thuộc vào sự tùy tiện cá nhân”. Vì vậy, Thẩm phán khi quyết định vấn đề của vụ án không bao giờ được quyền nói rằng “Tôi không muốn làm như vậy” mà phải nói giống như Martin Lute (1483 - 1546) - người sáng lập ra trường phái đạo Tin lành ở Đức vào thế kỷ XVI từng nói: “Ich Kann nicht anders” tức là “Tôi không thể làm khác được” vì cảm xúc bên trong và lẽ phải của cuộc sống và đạo lý của pháp luật dứt khoát và không ngừng nhắc nhở tôi, thúc giục tôi quyết định cần phải đúng lương tâm của tôi, lương tâm của người Thẩm phán và của một con người bắt buộc tôi chống lại bất cứ một cái gì khác ngoài quyết định cần có.<sup>6</sup>

Như vậy, để bảo đảm cho Thẩm phán “phụng công, thủ pháp” cần phải có hệ thống pháp luật (pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng) đầy đủ, đồng bộ và khả thi. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm cho Thẩm phán thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ xét xử của mình.

Duy trì sự độc lập của hoạt động xét xử là vấn đề cần thiết nhằm đạt được những mục tiêu của các quy định pháp luật và thực thi một cách có hiệu quả chức năng của Tòa án. Sự độc lập này phải được Nhà nước đảm bảo và trân trọng ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật, do đó, bất cứ một hành động nào của cơ quan tổ chức, cá nhân can thiệp vào cơ quan tư pháp xét xử cũng có thể bị khởi tố. Như Alexander Hamilton chỉ ra rằng sai phạm của chính phủ trong thực tế cũng có thể được đưa ra xét xử bởi một Tòa án công bằng. Thiếu điều đó thì giới hạn của mọi quyền lợi đặc biệt hay những quyền ưu tiên sẽ không có giá trị. Độc lập tư pháp bảo đảm rằng các quan chức cũng phải tuân theo pháp luật, với việc xét xử độc lập không có ai ở phía trên hay ở bên dưới luật. Nếu không mọi người sẽ mất lòng tin vào pháp luật. Như nhật ký của Lord Acton ghi

nhận rằng “quyền lực đi đôi với tham nhũng và quyền lực hoàn toàn thì tất yếu phải gắn liền với tham nhũng hoàn toàn. Để duy trì việc thực thi quyền lực một cách có hiệu quả, Thẩm phán phải không bị ảnh hưởng bởi sự can thiệp của những người có thẩm quyền chuyên chuyên hay bãi miễn họ vì những quyết định của họ. Vì vậy, độc lập tư pháp là cần thiết không phải cho Thẩm phán hay bộ máy tư pháp mà cho tất cả mọi người. Thẩm phán Stephen Breyer giải thích về tầm quan trọng của độc lập tư pháp và vai trò của Thẩm phán như sau: Sự thi hành công lý thực sự là trụ cột vững chắc nhất cho một Chính phủ tốt. Những mong muốn mà việc xét xử đúng mang lại cho một đất nước về sự ổn định và công bằng chỉ có thể đạt được nếu như các Thẩm phán ra bản án đúng theo các căn cứ pháp luật chứ không phải theo cảm tính hay theo đường lối của một thể lực chính trị nào. Độc lập tư pháp cung cấp khái niệm về tổ chức trong đó chúng ta có thể nghĩ đến sự phát triển của những đảm bảo có tổ chức cho phép các Thẩm phán thực hiện tốt vai trò quan trọng đó. Vai trò xã hội quan trọng của Thẩm phán trong việc bảo vệ quyền tự do và tạo ra một chính phủ ổn định phụ thuộc vào thể mạnh của độc lập tư pháp. Mặc dù sự trừng phạt đối với một cá nhân có thể diễn ra tại phiên xét xử nhưng quyền tự do của con người không thể bị xâm phạm với điều kiện là hệ thống tư pháp phải hoàn toàn độc lập với hệ thống hành pháp và lập pháp.<sup>7</sup>

### 3. Kết luận

Từ những phân tích trên về nguyên tắc “Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” có thể thấy nguyên tắc này là nguyên tắc quan trọng và mang tính đặc thù nhất trong tổ chức và hoạt động của Toà án; là cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn chung của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Đồng thời, nguyên tắc này còn được quán triệt trong hoạt động xét xử sơ thẩm, phúc

thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với tất cả các vụ án hình sự; dân sự, hôn nhân và gia đình; hành chính; kinh tế; lao động...; phân biệt hoạt động xét xử của Toà án với hoạt động của các cơ quan khác như cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án, Cơ quan thanh tra, trọng tài.

Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một nguyên tắc hiến định, có ý nghĩa trung tâm của quá trình tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng. Nguyên tắc này có ý nghĩa không chỉ đối với các cơ quan, cán bộ làm công tác pháp luật mà còn cần thiết đối với các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức xã hội và mọi công dân trong việc đảm bảo cho Thẩm phán và Hội thẩm trong quá trình xét xử không bị ràng buộc bởi bất cứ yếu tố nào ngoài pháp luật, đồng thời ngăn ngừa sự can thiệp từ bên ngoài vào hoạt động xét xử của Toà án; đảm bảo tính khách quan trong việc xét xử và tính thống nhất của pháp luật, đề cao trách nhiệm của Thẩm phán và Hội thẩm trong việc xem xét, đánh giá các chứng cứ, tình tiết của vụ án, xác định các quy phạm pháp luật cần áp dụng để ra các bản án, quyết định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, nhà nước và xã hội.

---

### Chú thích

- 1 Tinh thần pháp luật – Montesquieur, NXB Giáo dục, Hà Nội 1996, trang 81.
- 2 Sách đã dẫn.
- 3 Sách đã dẫn.
- 4 Nguyễn Đăng Dung, Luật Hiến pháp đối chiếu, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 2001, trang 250.
- 5 Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980, 1992), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- 6 Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta, NXB Pháp lý 1986, trang 170.
- 7 Khắc phục tham nhũng tư pháp trong khi phải đảm bảo độc lập tư pháp, Tạp chí Toà án nhân dân số 8 - 4/2006.